

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục chế độ báo cáo định kỳ  
thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước”;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại 02 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Căn cứ Danh mục chế độ báo cáo định kỳ được phê duyệt tại Quyết định này, các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố được phân công chủ trì chịu trách nhiệm rà soát và xây dựng phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo thuộc lĩnh vực theo dõi, quản lý; đảm bảo mục tiêu cắt giảm tối thiểu 20% chế độ báo cáo định kỳ không phù hợp với yêu cầu quản lý, lược bỏ những chỉ tiêu, nội dung báo cáo trùng lặp, không cần thiết, giảm gánh nặng hành chính, tiết kiệm chi phí trong thực hiện chế độ báo cáo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát hiện báo cáo định kỳ thuộc đối tượng rà soát, đơn giản hóa nhưng chưa có trong Danh mục được phê duyệt tại Quyết định này, yêu cầu các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố thực hiện bổ sung việc rà soát và xây dựng phương án đơn giản hóa cùng với các báo cáo định kỳ được phê duyệt kèm theo Quyết định này.

Giao Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả rà soát và phương án đơn giản hóa của các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố; kiểm tra và tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong tháng 3 năm 2018.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng n/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC (latin01).



**CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Căng**

Phụ lục 1

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐƠN K THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI  
(BÁO CÁO CÔNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC)

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| STT | Tên báo cáo  | Nội dung báo cáo  | VB quy định báo cáo  | Ngành, lĩnh vực                           | Hình thức thực hiện báo cáo                 |   | Cơ quan nhận báo cáo                | Cơ quan thực hiện báo cáo |                |        | Tên cơ quan/đơn vị chủ trì rà soát, xây dựng PA ĐGH |
|-----|--|---|--|---|---|---|-------------------------------------|---------------------------|----------------|--------|---|
|     |  |   |  |   | BC giấy<br>(Đánh dấu X nếu yêu cầu BC giấy) | BC qua Hệ thống phần mềm<br>(Ghi rõ địa chỉ truy cập) |                                     | Cấp tỉnh                  | Cấp huyện      | Cấp xã |   |
| 1   | Báo cáo công tác hoạt động theo Quyết định số 65/2016/QĐ-UBND (quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) | Tình hình tình hình, công việc chủ yếu diễn ra hàng ngày trong toàn ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách        | Điểm b Khoản 3 Điều 38 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 65/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh | Thanh tra                                 | X   |   | Văn phòng UBND tỉnh                 | Sở, ban ngành             | UBND cấp huyện |        | Sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố            |
| 2   | Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP (quý)                                   | Kết quả giải ngân vốn đầu tư, khó khăn vướng mắc, giải pháp thực hiện   | Công văn số 4846/UBND-TH ngày 10/8/2017 của UBND tỉnh  | Tài chính                                 | X   |   | Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở, ban ngành             | UBND cấp huyện |        | Sở Tài chính  |
| 3   | Báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (6 tháng, năm)                               | Đánh giá kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh | Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh  | Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật | X   |   | UBND tỉnh                           | Sở, ban ngành             | UBND cấp huyện |        | Sở Tư pháp  |

|   |  |  |  |                             |   |                         |               |                |                |             |            |
|---|--|--|--|-----------------------------|---|-------------------------|---------------|----------------|----------------|-------------|------------|
| 4 | Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật  | Tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh tại các cơ quan, đơn vị   | Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh   | Theo dõi thi hành pháp luật | x |                         | Sở Tư pháp    | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện | UBND cấp xã | Sở Tư pháp |
| 5 | Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (quý, 6 tháng, 9 tháng và năm) | Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính  | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 | Cải cách hành chính         | x |                         | Sở Nội vụ     | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện |             | Sở Nội vụ  |
| 6 | Báo cáo về công tác cải cách hành chính  | Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị   | Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh   | Cải cách hành chính         | x |                         | Sở Nội vụ     | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện | UBND cấp xã | Sở Nội vụ  |
| 7 | Báo cáo kết quả cải cách hành chính  | Kết quả công tác chỉ đạo, điều hành và tình hình thực hiện nhiệm vụ về cải cách hành chính, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính | Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh   | Cải cách hành chính         | x | UBND tỉnh;<br>Sở Nội vụ | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện | UBND cấp xã    |             | Sở Nội vụ  |
| 8 | Báo cáo công tác cải cách hành chính (quý, 6 tháng, năm)   | Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính   | Công văn số 1336/SNV ngày 03/10/2013 của Sở Nội vụ; Công văn số 5310/UBND-NC ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh                                | Cải cách hành chính         | x |                         | Sở Nội vụ     |                | UBND cấp huyện |             | Sở Nội vụ  |

|    |  |  |   |                              |   |  |                                   |               |                                    |             |                                   |
|----|--|--|---|------------------------------|---|--|-----------------------------------|---------------|------------------------------------|-------------|-----------------------------------|
| 9  | Báo cáo công tác quản lý hồ sơ công chức   | Công tác quản lý hồ sơ công chức   | Điểm m Khoản 4 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh           | Công chức, viên chức         | x |  | Sở Nội vụ                         | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện                     |             | Sở Nội vụ                         |
| 10 | Báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác                                  | Kết quả thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác  | Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của UBND tỉnh   | Tổ chức nhân sự              | x |  | Sở Nội vụ                         | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện                     |             | Sở Nội vụ                         |
| 11 | Báo cáo công tác thanh niên  | Tình hình thực hiện công tác thanh niên hàng năm   | Công văn số 1044/UBND-NC ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh   | Công tác thanh niên          | x |  | Sở Nội vụ                         |               | UBND cấp huyện                     |             | Sở Nội vụ                         |
| 12 | Báo cáo kết quả thực hiện Chi thị số 03/CT-UBND ngày 27/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh     | Thực hiện các biện pháp cấp bách để ngăn chặn tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi xâm phạm vùng biển các nước khai thác hải sản     | Chi thị số 03/CT-UBND ngày 27/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn số 1605/UBND-NNTN ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh | An ninh                      | x |  | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh | Sở, ban ngành | UBND các huyện, thành phố ven biển |             | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh |
| 13 | Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh | Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh | Khoản I Mục III Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh           | Kiểm soát thủ tục hành chính | x |  | Văn phòng UBND tỉnh               | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện                     | UBND cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh               |

|    |   |   |  |                              |   |  |                     |               |                |             |                     |
|----|---|---|--|------------------------------|---|--|---------------------|---------------|----------------|-------------|---------------------|
| 14 | Báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính                            | Tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh   | Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh.                              | Kiểm soát thủ tục hành chính | x |  | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |             | Văn phòng UBND tỉnh |
| 15 | Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao            | Kết quả thực hiện quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao | Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh.                             | Quản lý, điều hành           | x |  | UBND tỉnh           | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |             | Văn phòng UBND tỉnh |
| 16 | Báo cáo thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí (6 tháng, năm)      | Đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí  | Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh                                   | Thanh tra                    | x |  | Thanh tra tỉnh      | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện | UBND cấp xã | Thanh tra tỉnh      |
| 17 | Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp (6 tháng, năm) | Kết quả thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp  | Điều 19 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh | Thanh tra                    | x |  | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban ngành |                |             | Thanh tra tỉnh      |
| 18 | Báo cáo tình hình thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí  | Về tình hình thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí  | Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh                                   | Tiết kiệm, chống lãng phí    | x |  | UBND tỉnh           | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện | UBND cấp xã | Thanh tra tỉnh      |

|    |   |   |  |                  |   |  |                               |               |                |  |                |
|----|---|---|--|------------------|---|--|-------------------------------|---------------|----------------|--|----------------|
| 19 | Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng (tháng)  | Công tác phòng, chống tham nhũng  | Công văn số 2077/CV-TU ngày 21/10/2013 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Công văn số 379/CV/BNCTU ngày 27/2/2017 của Ban Nội chính Tỉnh ủy | Thanh tra        | x |  | Ban Nội chính; Thanh tra tỉnh | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Thanh tra tỉnh |
| 20 | Báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo xây dựng nhà ở               | Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo xây dựng nhà ở               | Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh                              | Nhà ở xã hội     | x |  | Sở Xây dựng                   |               | UBND cấp huyện |  | Sở Xây dựng    |
| 21 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác hội nhập quốc tế                                     | Công tác hội nhập quốc tế   | Quyết định số 590/QĐ-UBND  | Hội nhập quốc tế | x |  | Sở Ngoại vụ                   | Sở, ban ngành |                |  | Sở Ngoại vụ    |
| 22 | Báo cáo chi tiết kế hoạch đoàn ra (năm)   | Chi tiết kế hoạch đoàn ra   | Công văn số 767/SNgv-LSLTBC ngày 23/12/2016 của Sở Ngoại vụ  | Xuất cảnh        | x |  | Sở Ngoại vụ                   | Sở, ban ngành |                |  | Sở Ngoại vụ    |
| 23 | Báo cáo đánh giá tình hình và kết quả triển khai công tác đối ngoại và kế hoạch đoàn ra | Đánh giá tình hình và kết quả triển khai công tác đối ngoại và kế hoạch đoàn ra | Công văn số 459/SNgv-LSLTBC ngày 07/9/2016 của Sở Ngoại vụ   | Xuất cảnh        | x |  | Sở Ngoại vụ                   | Sở, ban ngành |                |  | Sở Ngoại vụ    |

|    |  |   |   |                     |   |  |                              |               |                |  |                              |
|----|--|---|---|---------------------|---|--|------------------------------|---------------|----------------|--|------------------------------|
| 24 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 | Kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015          | Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 và số 390/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của UBND tỉnh về kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 | Công nghệ thông tin | x |  | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 25 | Báo cáo tình hình thực hiện Chi thị 24/CT-TTg và giải ngân vốn đầu tư công năm 2017 (quý)  | Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2018, đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế, khó khăn và giải pháp | Công văn số 4374/UBND-TH ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh.  | Tài chính           | x |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư        | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư        |
| 26 | Báo cáo tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương  | Tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương   | Công văn số 5781/UBND-TH ngày 13/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh   | Quản lý, điều hành  | x |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư        | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư        |



|    |  |  |   |                            |   |  |                              |                      |                       |  |                              |
|----|--|--|---|----------------------------|---|--|------------------------------|----------------------|-----------------------|--|------------------------------|
| 27 | <p>Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh</p> | <p>BC những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Quy định trách nhiệm người đứng đầu trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh</p> | <p>- Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh;<br/>- Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh<br/>- Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh</p> | <p>Đầu tư - kinh doanh</p> | x |  | <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> | <p>Sở, ban ngành</p> | <p>UBND cấp huyện</p> |  | <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> |
| 28 | <p>Báo cáo thực hiện Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 của UBND tỉnh</p>   | <p>Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế</p>   | <p>Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 của UBND tỉnh; Công văn số 1754/UBND-TH ngày 31/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh</p>  | <p>Kinh tế</p>             | x |  | <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> | <p>Sở, ban ngành</p> | <p>UBND cấp huyện</p> |  | <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> |

|    |  |   |   |                     |   |  |                                  |               |                |  |                       |
|----|--|---|---|---------------------|---|--|----------------------------------|---------------|----------------|--|-----------------------|
| 29 | Báo cáo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2017 để hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi       | Thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2017 để hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi  | Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh  | Hỗ trợ doanh nghiệp | x |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư            | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 30 | Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2006 của Chính phủ | Thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi | Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 28/02/2017; Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 28/7/2017                                | Đầu tư - kinh doanh |   |  | UBND tỉnh                        | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 31 | Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (hàng tháng, quý, 6 tháng, năm, 5 năm)                        | Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong một thời điểm, thời kỳ, giai đoạn  | Quyết định số 231/2003/QĐ-UB ngày 09/12/2003 của UBND tỉnh; Công văn số 3665/UBND-KTTH ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh | Kinh tế - xã hội    | x |  | UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư |

|    |  |   |   |             |   |  |                                       |                |                |  |                |
|----|--|---|---|-------------|---|--|---------------------------------------|----------------|----------------|--|----------------|
| 32 | Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 | Báo cáo kết quả thực hiện chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới   | Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh               | Thương mại  | x |  | Sở Công thương                        | Sở, ban ngành  |                |  | Sở Công thương |
| 33 | Đánh giá tình hình hoạt động, phát triển các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi        | Báo cáo về quy hoạch phát triển, thành lập Cụm công nghiệp (CCN); tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng tại các CCN; kết quả hoạt động của các CCN; Tổng hợp thông tin, đánh giá kết quả thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường CCN | Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 11/3/2014                          | Công nghiệp | x |  | Cục công nghiệp địa phương; UBND tỉnh | Sở Công thương |                |  | Sở Công thương |
| 34 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đẩy mạnh phát triển công nghiệp 6 tháng, hàng năm             | Báo cáo kết quả thực hiện phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh  | Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh | Công nghiệp | x |  | Sở Công thương                        | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện |  | Sở Công thương |

|    |  |   |  |                   |   |  |                      |                |                |  |                          |
|----|--|---|--|-------------------|---|--|----------------------|----------------|----------------|--|--------------------------|
| 35 | Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đẩy mạnh phát triển công nghiệp                                   | Thực hiện kế hoạch đẩy mạnh phát triển công nghiệp  | Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 20/3/2017   | Công nghiệp       | x |  | Sở Công thương       | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện |  | Sở Công thương           |
| 36 | Báo cáo kết quả thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" trên địa bàn tỉnh  | Triển khai các hoạt động hưởng ứng cuộc vận động; kết quả triển khai thực hiện Cuộc vận động 6 tháng, năm; kế hoạch triển khai 6 tháng, năm tiếp theo | Kế hoạch số 5801/KH-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh                                       | Thương mại        | x |  | UBND tỉnh            | Sở Công thương |                |  | Sở Công thương           |
| 37 | Báo cáo kết quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả định kỳ hàng tháng, quý, năm  | Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả  | Công văn số 05/BCĐ ngày 26/9/2014 của Ban Chỉ đạo chống gian lận thương mại và hàng giả tỉnh | Công thương       | x |  | Ban chỉ đạo 389 tỉnh | Sở, ban ngành  |                |  | Sở Công thương           |
| 38 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 | Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ  | Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 08/02/2017  | Quản lý công nghệ | x |  | UBND tỉnh            | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện |  | Sở Khoa học và Công nghệ |

|    |  |   |   |                                     |   |  |                                     |               |                |  |  |
|----|--|---|---|-------------------------------------|---|--|-------------------------------------|---------------|----------------|--|--|
| 39 | Báo cáo tình hình xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008                      | Tình hình xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 | Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh                         | Tiêu chuẩn chất lượng               | x |  | UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Khoa học và Công nghệ               |
| 40 | Báo cáo tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân   | Tình hình thực hiện các nhiệm vụ theo Chi thị số 16/2015/CT-UBND ngày 04/12/2015                    | Chi thị số 16/2015/CT-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh                                | An toàn bức xạ và hạt nhân          | x |  | Sở Khoa học và Công nghệ            | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Khoa học và Công nghệ               |
| 41 | Báo cáo về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ  | Tình hình thực hiện Chi thị số 14/CT-UBND ngày 27/8/2012  | Chi thị số 14/CT-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh                                      | Sở hữu trí tuệ                      | x |  | Sở Khoa học và Công nghệ            | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Khoa học và Công nghệ               |
| 42 | Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa  | Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh               | Khoản 5 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 | Tiêu chuẩn chất lượng               | x |  | UBND tỉnh                           | Sở, ban ngành |                |  | Sở Khoa học và Công nghệ               |
| 43 | Báo cáo kết quả thực hiện Đề án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2017 | Kết quả thực hiện Đề án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi   | Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh                              | Nông nghiệp và phát triển nông thôn | x |  | HĐND tỉnh; UBND tỉnh                |               | UBND cấp huyện |  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

|    |  |   |   |                          |   |                                 |  |  |                |             |  |
|----|--|---|---|--------------------------|---|---------------------------------|--|--|----------------|-------------|--|
| 44 | Báo cáo tổng kết công tác phòng chống thiên tai năm 2016, nhiệm vụ triển khai trong năm 2017   | Công tác phòng chống thiên tai năm 2016, nhiệm vụ triển khai trong năm 2017   | Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh                    | Phòng, chống thiên tai   | x |                                 | UBND tỉnh  | Sở, ban ngành  |                |             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 45 | Báo cáo kết quả thực hiện và kế hoạch công tác dồn điền đổi thửa   | Kết quả thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa   | Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh | Nông nghiệp              | x |                                 | UBND tỉnh  | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện | UBND cấp xã | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 46 | Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững ở 6 huyện miền núi  | Báo cáo công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất sản xuất nông nghiệp; giao đất xây dựng công trình, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia | Kết luận số 31-KL/TU ngày 27/4/2016                                       | Tài nguyên và môi trường | x |                                 |  | - Sở Nông nghiệp và PTNT;<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở, ban ngành  |             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 47 | Báo cáo nhiệm vụ thực hiện Tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm) | Công tác nhiệm vụ thực hiện Tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới  | Công văn số 1083/UBND-NNTN ngày 03/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh          | Nông thôn mới            | x | vdpdquan<br>gngai@g<br>mail.com | Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh | Sở, ban ngành  | UBND cấp huyện |             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

|    |  |   |  |                           |   |  |  |                             |  |  |
|----|--|---|--|---------------------------|---|--|--|-----------------------------|--|--|
| 48 | Báo cáo kết quả kiểm tra các công trình thủy lợi, đề điều, tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển trước mùa mưa lũ                                  | Kết quả kiểm tra các công trình thủy lợi, đề điều, tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển trước mùa mưa lũ             | Công văn số 1615/SNNPTNT ngày 01/6/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Phòng, chống thiên tai    | x | phongcho<br>nglutbao<br>@gmail.c<br>om     | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND cấp huyện              |  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 49 | Báo cáo công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (tháng, 6 tháng, năm) | Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản  | Công văn số 1617/SNNPTNT ngày 01/6/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Quản lý nông lâm thủy sản | x | ccqlclnlt-<br>snn@qua<br>ngngai.go<br>v.vn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND cấp huyện              |  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 50 | Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy                     | Báo cáo về công tác cải cách thủ tục hành chính về đất đai; kết quả xây dựng hệ thống thông tin đất đai,...       | Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của UBND tỉnh                           | Đất đai                   | x |  | UBND tỉnh                              | Sở Tài nguyên và Môi trường |  | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
| 51 | Báo cáo tình hình thực hiện Chi thị 13/CT-TTg  | Kết quả triển khai thực hiện Chi thị số 13/CT-TTg về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm | Kế hoạch số 6295/KH-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh                             | An toàn thực phẩm         | x |  | UBND tỉnh                              | Sở, ban ngành               |  | Sở Y tế                                |

|    |   |   |  |                   |   |                                  |               |                |  |                                  |
|----|---|---|--|-------------------|---|----------------------------------|---------------|----------------|--|----------------------------------|
| 52 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh   | Việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; báo cáo việc triển khai xây dựng Kế hoạch an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị trên địa bàn tỉnh | Kế hoạch số 1214/KH-UBND ngày 09/3/2017  | An toàn thực phẩm | x |                                  | Sở Y tế       | Sở, ban ngành  |  | Sở Y tế                          |
| 53 | Báo cáo tình hình thực hiện Luật Thể dục thể thao   | Tình hình thực hiện Luật Thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh   | Công văn số 06/HĐND-VHXH ngày 06/01/2017 và Kế hoạch số 07/KH-HĐND ngày 06/01/2017 của HĐND tỉnh về khảo sát tình hình thực hiện Luật Thể dục thể thao | Thể dục thể thao  | x | HĐND tỉnh                        | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch |
| 54 | Báo cáo triển khai Kế hoạch số 224/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi | Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển  | Công văn số 3327/UBND-KGVX ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh  | Văn hóa           | x | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch | Sở, ban ngành |                |  | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch |



|    |   |   |  |                                  |   |  |  |               |                |  |                                   |
|----|---|---|--|----------------------------------|---|--|--|---------------|----------------|--|-----------------------------------|
| 55 | Báo cáo kết quả hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình   | Công tác phòng, chống bạo lực gia đình  | Công văn số 1391/UBND-KGVX ngày 17/3/2017  | Gia đình                         | x |  | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch                 | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch  |
| 56 | Báo cáo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo hàng năm  | Mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực và giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo hàng năm | Khoản 3 Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 271/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh               | Chương trình giảm nghèo bền vững | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội            |               | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động Thương binh và Xã hội |
| 57 | Báo cáo kết quả thực hiện chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo  | Tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân  | Khoản 1 Mục III Phần III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh | Chương trình giảm nghèo bền vững | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND tỉnh | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động Thương binh và Xã hội |
| 58 | Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo                   | Tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân  | Khoản 1 Mục III Phần III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh | Chương trình giảm nghèo bền vững | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND tỉnh | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động Thương binh và Xã hội |
| 59 | Báo cáo kết quả hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài | Tình hình và kết quả hỗ trợ cho lao động đi làm việc có thời hạn nước ngoài                             | Khoản 1 Mục III Phần III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh | Chương trình giảm nghèo bền vững | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND tỉnh | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động Thương binh và Xã hội |

|    |  |   |  |                                  |   |  |  |               |                |  |                                     |
|----|--|---|--|----------------------------------|---|--|--|---------------|----------------|--|-------------------------------------|
| 60 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 6 tháng và hàng năm | Tình hình và kết quả thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh | Điểm a Khoản 1 Mục VI Phần III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh | Chương trình giảm nghèo bền vững | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND tỉnh | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 61 | Báo cáo kết quả 10 năm thi hành luật Bình đẳng giới  | Báo cáo kết quả 10 năm thi hành luật Bình đẳng giới                               | Quyết định số 144/KH-UBND ngày 07/7/2011   | Bình đẳng giới                   | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội            | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 62 | Báo cáo phòng chống mại dâm  | Kết quả triển khai thực hiện 6 tháng, năm   | Điểm 2 Phần VII Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 04/8/2016  | Phòng, chống mại dâm             | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội            |               | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 63 | Báo cáo cai nghiện ma túy  | Kết quả triển khai thực hiện 6 tháng, năm   | Điểm 11 Phần VI Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 03/02/2015  | Phòng, chống ma túy (cai nghiện) | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội            |               | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 64 | Báo cáo cai nghiện ma túy  | Kết quả triển khai thực hiện 6 tháng, năm   | Phần V Kế hoạch số 1035/KH-UBND ngày 02/3/2017   | Phòng, chống ma túy (cai nghiện) | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội            |               | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 65 | Báo cáo cai nghiện ma túy  | Kết quả triển khai thực hiện 6 tháng, năm   | Khoản 2 Mục V Kế hoạch số 2926/KH-UBND ngày 18/5/2017  | Phòng, chống ma túy (cai nghiện) | x |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội            | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 66 | Báo cáo hỗ trợ nạn nhân bị mua bán   | Kết quả triển khai thực hiện 6 tháng, năm   | Quyết định số 1057/QĐ-LĐTĐ ngày 12/8/2016  | Hỗ trợ nạn nhân bị mua bán       | x |  | UBND tỉnh                                      | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |

|    |  |   |   |                            |   |  |                       |               |                |  |                       |
|----|--|---|---|----------------------------|---|--|-----------------------|---------------|----------------|--|-----------------------|
| 67 | Báo cáo kết quả định kỳ thực hiện Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh | Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc  | Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh                  | An ninh                    | x |  | Công an tỉnh          | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Công an tỉnh          |
| 68 | Báo cáo hỗ trợ nạn nhân bị mua bán   | Kết quả triển khai thực hiện 6 tháng, năm   | Điểm 2 Mục VI Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 | Hỗ trợ nạn nhân bị mua bán | x |  | Công an tỉnh          | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện |  | Công an tỉnh          |
| 69 | Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ  | Tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ định kỳ hàng năm  | Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của                                  | Giao thông                 | x |  | Sở Giao thông vận tải |               | UBND cấp huyện |  | Sở Giao thông vận tải |
| 70 | Báo cáo tình hình thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn                                  | Tình hình thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 | Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh                           | Giao thông                 | x |  | Sở Giao thông vận tải |               | UBND cấp huyện |  | Sở Giao thông vận tải |
| 71 | Báo cáo tình hình thực hiện các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông                       | Tình hình thực hiện các giải pháp tăng cường đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giai đoạn 2016-2020  | Kế hoạch số 1384/KH-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh                             | An toàn giao thông         | x |  | Sở Giao thông vận tải |               | UBND cấp huyện |  | Sở Giao thông vận tải |

|    |   |   |  |            |   |  |                       |   |                |             |                       |
|----|---|---|--|------------|---|--|-----------------------|---|----------------|-------------|-----------------------|
| 72 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì, tổ chức giao thông đường giao thông nông thôn (6 tháng, năm) | Kết quả thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì, tổ chức giao thông đường giao thông nông thôn trên địa bàn | Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh | Giao thông | x |  | Sở Giao thông vận tải |   | UBND cấp huyện | UBND cấp xã | Sở Giao thông vận tải |
| 73 | Báo cáo tình hình quản lý khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ  | Tình hình quản lý khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương                               | Điều 33 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh  | Giao thông | x |  | Sở Giao thông vận tải | Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi | UBND cấp huyện |             | Sở Giao thông vận tải |
| 74 | Báo cáo tình hình tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông               | Tình hình tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông             | Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh                                     | Giao thông | x |  | Sở Giao thông vận tải |   | UBND cấp huyện |             | Sở Giao thông vận tải |

|    |   |  |  |                     |   |  |           |  |  |  |  |
|----|---|--|--|---------------------|---|--|-----------|--|--|--|--|
| 75 | Báo cáo đánh giá kết quả về tình hình thực hiện nhiệm vụ        | Đánh giá kết quả về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của UBND tỉnh                               | Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh | Quản lý, điều hành  | x |  | UBND tỉnh | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi |
| 76 | Báo cáo về tình hình thực hiện chương trình cải cách hành chính | Tình hình thực hiện chương trình cải cách hành chính liên quan đến Ban Quản lý theo mục tiêu, kế hoạch của UBND tỉnh | Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh | Cải cách hành chính | x |  | UBND tỉnh | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi |

|    |   |  |  |                     |   |  |   |               |                                     |   |
|----|---|--|--|---------------------|---|--|---|---------------|-------------------------------------|---|
| 77 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình (tháng, quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thực hiện công tác thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình | Điều 24 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh | Xây dựng            | x |  | UBND tỉnh, các Sở: Kế hoạch - Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương | Sở, ban ngành | UBND cấp huyện                      | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 78 | Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)               | Kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị                        | Công văn số 3012/UBND ngày 16/8/2016 của UBND thành phố  | Quản lý, điều hành  | x |  | UBND thành phố; Phòng Tài chính - Kế hoạch  |               | Các phòng, ban thuộc UBND thành phố | UBND thành phố Quảng Ngãi   |
| 79 | Báo cáo công tác cải cách hành chính (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)                                      | Công tác cải cách hành chính   | Công văn số 1780/UBND ngày 17/4/2017 của UBND thành phố  | Cải cách hành chính | x |  | UBND thành phố; Phòng Nội vụ  |               | Các phòng, ban thuộc UBND thành phố | UBND thành phố Quảng Ngãi   |

|    |  |  |   |                                   |   |  |  |  |                                 |             |                     |
|----|--|--|---|-----------------------------------|---|--|--|--|---------------------------------|-------------|---------------------|
| 80 | Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ/nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội/nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) | Kết quả thực hiện nhiệm vụ/nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội/nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao | Công văn số 1860/UBND-TH ngày 31/7/2017 của UBND huyện; Công văn số 827/UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện | Quản lý, điều hành                | x |  | UBND huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch |  | Các phòng, ban thuộc UBND huyện | UBND cấp xã | UBND huyện Bình Sơn |
| 81 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)  | Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo  | Công văn số 500/UBND-NC ngày 30/3/2014 của UBND huyện   | Khiếu nại, tố cáo                 | x |  | UBND huyện                             |  | Các phòng, ban thuộc UBND huyện |             | UBND huyện Bình Sơn |
| 82 | Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác nội chính và phòng chống tham nhũng (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)  | Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác nội chính và phòng chống tham nhũng  | Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện  | Nội chính, phòng chống tham nhũng | x |  | UBND huyện                             |  | Các phòng, ban thuộc UBND huyện |             | UBND huyện Bình Sơn |
| 83 | Báo cáo công tác cải cách hành chính   | Công tác cải cách hành chính   | Công văn số 1707/UBND ngày 22/10/2013 của UBND huyện; Công văn số 416/PNV ngày 14/11/2016 của Phòng Nội vụ          | Cải cách hành chính               | x |  | UBND huyện; Phòng Nội vụ               |  | Các phòng, ban thuộc UBND huyện | UBND cấp xã | UBND huyện Bình Sơn |

|    |   |   |   |                     |   |  |              |    |                                 |             |                     |
|----|---|---|---|---------------------|---|--|--------------|----|---------------------------------|-------------|---------------------|
| 84 | Báo cáo thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND huyện (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) | Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND huyện | Công văn số 510/UBND ngày 10/3/2017 của UBND huyện            | Quản lý, điều hành  | x |  | UBND huyện   |    | Các phòng, ban thuộc UBND huyện |             | UBND huyện Bình Sơn |
| 85 | Báo cáo tình hình thực công tác tư pháp - hộ tịch (tháng, quý, năm)   | Tình hình thực công tác tư pháp - hộ tịch   | Công văn số 976/VP-UBND ngày 14/5/2015 của UBND huyện Đức Phổ | Tư pháp             | x |  | Phòng pháp   | Tư | Các phòng, ban thuộc UBND huyện | UBND cấp xã | UBND huyện Đức Phổ  |
| 86 | Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (tháng, quý, năm)  | Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội  | Công văn số 976/UBND-VP ngày 14/5/2015 của UBND huyện         | Kinh tế - xã hội    | x |  | UBND huyện   |    |                                 | UBND cấp xã | UBND huyện Đức Phổ  |
| 87 | Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (6 tháng, năm)  | Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí   | Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND huyện      | Tài chính           | x |  | UBND huyện   |    |                                 | UBND cấp xã | UBND huyện Đức Phổ  |
| 88 | Báo cáo kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính (quý, 6 tháng, năm)   | Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính   | Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND huyện      | Cải cách hành chính | x |  | Phòng Nội vụ |    | Các phòng, ban thuộc UBND huyện |             | UBND huyện Đức Phổ  |



Phụ lục 2

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI  
(HÀNH/TỔ CHỨC GỬI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC)

(Kèm theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| STT | Tên báo cáo   | Nội dung báo cáo  | VB quy định báo cáo  | Ngành, lĩnh vực        | Hình thức thực hiện báo cáo                 |   | Cơ quan nhận báo cáo | Đối tượng thực hiện báo cáo |         | Tên cơ quan/đơn vị chủ trì rà soát, xây dựng PA ĐGH |
|-----|---|---|--|------------------------|---|---|----------------------|-----------------------------|---------|---|
|     |   |   |  |                        | BC giấy<br>(Đánh dấu X nếu yêu cầu BC giấy) | BC qua Hệ thống phần mềm<br>(Ghi rõ địa chỉ truy cập) |                      | Cá nhân                     | Tổ chức |   |
| 1   | Báo cáo giám sát tài chính doanh nghiệp nhà nước        | Kết quả giám sát tài chính doanh nghiệp nhà nước        | Điểm c Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh            | Tài chính doanh nghiệp | X   |   | UBND tỉnh            |                             | X       | Sở Tài chính  |
| 2   | Báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp               | Kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp nhà nước        | Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh           | Tài chính doanh nghiệp | X   |   | UBND tỉnh            |                             | X       | Sở Tài chính  |
| 3   | Báo cáo giám sát tài chính doanh nghiệp có vốn nhà nước | Kết quả giám sát tài chính doanh nghiệp có vốn nhà nước | Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh | Tài chính doanh nghiệp | X   |   | UBND tỉnh            |                             | X       | Sở Tài chính  |

|   |  |  |   |                |   |  |                           |   |                          |
|---|--|--|---|----------------|---|--|---------------------------|---|--------------------------|
| 4 | Báo cáo kết quả tự đánh giá các hoạt động liên quan đến công tác dược và mỹ phẩm tại các cơ sở bán buôn thuốc    | Kết quả tự đánh giá các hoạt động liên quan đến công tác dược và mỹ phẩm tại các cơ sở bán buôn thuốc cuối năm | Công văn số 2325/SYT-NVD ngày 18/10/2016 của Sở Y tế  | Dược, mỹ phẩm  | x |  | Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế | x | Sở Y tế                  |
| 5 | Báo cáo tình hình sử dụng thuốc thành phẩm dạng phối hợp có chứa hoạt chất gây nghiện, hướng tâm thần, tiền chất | Tình hình sử dụng thuốc thành phẩm dạng phối hợp có chứa hoạt chất gây nghiện, hướng tâm thần, tiền chất       | Chi thị số 05/CT-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh; Công văn số 1475/SYT-NVD ngày 06/6/2017 của Sở Y tế | Dược, mỹ phẩm  | x |  | UBND tỉnh                 | x | Sở Y tế                  |
| 6 | Báo cáo về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ  | Tình hình thực hiện Chi thị số 14/CT-UBND ngày 27/8/2012   | Chi thị số 14/CT-UBND ngày 27/8/2012 của UBND tỉnh  | Sở hữu trí tuệ | x |  | Sở Khoa học và Công nghệ  | x | Sở Khoa học và Công nghệ |